

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2025/HNGĐ-ST

Ngày 06-3-2025

V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Như

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quốc Tuấn

Ông Dư Văn Thanh

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lý Thành Công, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

Ngày 06 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2025 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1980; Địa chỉ: Số G, đường P, Khóm B, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt)

Bị đơn: Bà Lâm Thị Thúy H, sinh năm 1979; Địa chỉ: Số G, đường P, Khóm B, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 10 năm 2024 và lời trình bày của ông Nguyễn Văn T tại phiên tòa:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2004, ông T và bà Lâm Thị Thúy H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 30/12/2004. Trong thời kỳ hôn nhân, ông bà chung sống với nhau hạnh phúc, thời gian về sau ông bà không quan tâm chăm sóc với nhau, ly thân khoảng 6 tháng nay. Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Lâm Diễm T1, sinh ngày 05/05/2006. Về tài sản chung: Ông bà có tạo lập tài sản chung nhưng tự thỏa thuận. Về nợ chung: Ông bà không có nợ ai và cũng không có ai nợ ông, bà.

Nay ông T yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Ông T yêu cầu được ly hôn với bà Lâm Thị Thúy H.

Về con chung: Đối với cháu Nguyễn Lâm Diễm T1, sinh ngày 05/05/2006

đã trên 18 tuổi có khả năng tự lao động để nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn Nguyễn Văn T đã nộp Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); Giấy khai sinh cháu Nguyễn Lâm Diễm T1, sinh ngày 05/05/2006 (bản sao); Căn cước công dân có tên Nguyễn Văn T chứng thực bản sao.

- Bị đơn bà Lâm Thị Thúy H không đồng ý ly hôn của ông Nguyễn Văn T, các tình tiết về quan hệ hôn nhân, con chung, nợ chung đều thống nhất theo lời trình bày của ông T. Về phần tài sản chung bà H không có yêu cầu chia nhưng có trình bày yêu cầu Tòa án ghi nhận tài sản chung là căn nhà để lại cho con là cháu Nguyễn Lâm Diễm T1, sinh ngày 05/05/2006.

- Những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự: Bà Lâm Thị Thúy H thừa nhận, không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu mà ông Nguyễn Văn T đã trình bày và giao nộp cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Nguyễn Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với bà Lâm Thị Thúy H và bà Lâm Thị Thúy H cư trú tại thành phố S, tỉnh Sóc Trăng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Đối với bà Lâm Thị Thúy H là bị đơn vắng mặt được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Lâm Thị Thúy H.

[3] Theo các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và tài liệu do ông Nguyễn Văn T cung cấp và bà Lâm Thị Thúy H không phản đối căn cứ khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T và bà Lâm Thị Thúy H xác lập quan hệ vợ chồng phù hợp quy định về điều kiện kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 30/12/2004 nên hôn nhân ông, bà là hợp pháp theo quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

[5] Về yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn T: Sau thời gian chung sống thì ông T, bà H phát sinh mâu thuẫn do khác biệt về quan điểm sống, vợ chồng ông bà không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Đây là sự vi phạm nghĩa vụ vợ chồng theo

Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông T được ly hôn với bà H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[6] Về con chung: Đối với cháu Nguyễn Lâm Diễm T1, sinh ngày 05/05/2006 đã trên 18 tuổi có khả năng tự lao động để nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Ông T trình bày ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà H trình bày yêu cầu ông T và bà H cùng ký hợp đồng tặng cho căn nhà cho con, Tòa án giải thích trường hợp các bên có tranh chấp thì đề nghị bà H làm đơn yêu cầu chia tài sản chung, việc trình bày của bà chưa là cơ sở để Tòa án xem xét giải quyết thì bà H không yêu cầu chia tài sản nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95, điểm b Khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T:

1.1/. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T được ly hôn với bà Lâm Thị Thúy H.

1.2/. Về con chung: Đối với cháu Nguyễn Lâm Diễm T1, sinh ngày 05/05/2006 đã trên 18 tuổi có khả năng tự lao động để nuôi sống bản thân nên không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

1.3/. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không có cơ sở giải quyết.

1.4/. Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không có cơ sở giải quyết.

2/. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0008773 ngày 31/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Ông Nguyễn Văn T đã thực hiện xong án phí dân sự sơ thẩm.

3/. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án cấp tổng đạt hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND Xã Hưng Phú, H. Phước Long, tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND TP. Sóc Trăng;
- Chi cục THADS TP. Sóc Trăng;
- TAND T. Sóc Trăng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Võ Văn Như